

Số: 125/2019/QĐST-HNGĐ

Cẩm Khê, ngày 28 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Kim Quý

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 246 và Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 163/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Thúy H - sinh năm 1992

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn S - sinh năm 1985

Địa chỉ: đều ở khu 1 C, xã Đ, huyện C, Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi liên quan:* Bà Nguyễn Thị L - sinh năm: 1966, địa chỉ: Khu T, xã Đ, huyện C (là mẹ đẻ chị H).

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Thúy H và anh Hoàng Văn S.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị Hà Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Quốc T - sinh ngày 16/8/2016. Anh Hoàng Văn S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Huy T sinh ngày 12/6/2014 kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh S cùng các thành viên gia đình không được cản trở hai bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2. Về nợ riêng: Anh Hoàng Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) vào ngày 01/01/2020.

Khi đến thời hạn trả nợ, người được thi hành có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí: Chị Hà Thị Thúy H xin chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 008595 ngày 24/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS H.Cẩm Khê;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng